

QUYẾT ĐỊNH
**Ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng
trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng số 47/2005/QH11 ngày 14/6/2005;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng số 39/2013/QH13 ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BNV ngày 27/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 643/TTr-SNV ngày 23/11/2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2018 và thay thế Quyết định số 27/2014/QĐ-UBND ngày 15/12/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bình Phước; bãi bỏ Quyết định số 755/QĐ-UBND ngày 19/4/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc Quy định thẩm quyền, tiến trình xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đối với ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh,



doanh nghiệp; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ; Website Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ban TĐKT Trung ương;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Thành viên Hội đồng TĐKT tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, P.NC;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Lưu: VT.(H171)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Trâm

QUY ĐỊNH

Về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bình Phước
(Ban hành kèm theo Quyết định số 61 /2017/QĐ-UBND
ngày 29 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh Bình Phước)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về nguyên tắc thi đua, khen thưởng; tiêu chuẩn, thẩm quyền quyết định, trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; hiệp y khen thưởng; những trường hợp không xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; tỷ lệ, cơ cấu xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng; quản lý nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng; quản lý, sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với công dân Việt Nam, các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, gia đình, người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài và các tổ chức quốc tế ở Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tập thể nhỏ là tập thể có quy mô nhỏ ở cơ sở, bao gồm một số cá nhân cùng thực hiện một nhiệm vụ (tổ, đội; phòng, khoa thuộc bệnh viện cấp huyện, bệnh viện cấp tỉnh; tiểu đội thuộc lực lượng vũ trang nhân dân; đội thuộc công an cấp huyện...).

2. Cá nhân người lao động trực tiếp là người không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, bao gồm công nhân, nông dân, chiến sĩ lực lượng vũ trang; công chức, viên chức, nhân viên, người lao động.

3. Khen thưởng thành tích từ thiện, nhân đạo là khen thưởng tập thể, cá nhân có nhiều đóng góp trong công tác xã hội.

4. Các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước, gồm: Huân chương; Huy chương; danh hiệu vinh dự Nhà nước; Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng

Nhà nước; Cờ thi đua của Chính phủ, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”.

5. Hiệp y khen thưởng là hình thức lấy thông tin của các cơ quan có liên quan để có thêm căn cứ trước khi quyết định khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

Điều 4. Nguyên tắc khen thưởng và căn cứ xét khen thưởng

1. Thành tích đạt được trong điều kiện khó khăn và có phạm vi ảnh hưởng lớn thì được xét khen thưởng ở mức cao hơn.

2. Khi khen thưởng hoặc xét trình cấp trên khen thưởng về thành tích toàn diện hàng năm đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo.

3. Không cộng dồn thành tích đã khen của lần trước để nâng mức khen lần sau.

4. Chi lấy kết quả khen thưởng về thành tích toàn diện hàng năm để làm căn cứ xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng về công trạng và thành tích đạt được. Các hình thức khen thưởng theo đợt (chuyên đề, đợt xuất) được ghi nhận, đánh giá và xem xét thêm khi xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

5. Khi xét các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp nhà nước (từ Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ trở lên), Hội đồng Thi đua - Khen thưởng từ cấp cơ sở đến cấp tỉnh phải tiến hành bỏ phiếu kín, tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng phải có tỷ lệ phiếu đồng ý từ 80% trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản).

6. Cá nhân được đề nghị khen thưởng chịu trách nhiệm về tính chính xác trong việc kê khai, báo cáo thành tích đề nghị các cấp xét khen thưởng.

7. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương: Chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ đề nghị xét khen thưởng đối với tập thể, cá nhân của cơ quan, đơn vị, địa phương mình trước khi trình cấp trên khen thưởng.

8. Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh lấy ý kiến nhân dân trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh và Website của Sở Nội vụ đối với những trường hợp đề nghị khen thưởng Huân chương các loại, danh hiệu vinh dự nhà nước, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” trong thời hạn 10 ngày làm việc (trừ trường hợp có thành tích đặc biệt xuất sắc đợt xuất) trước khi họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

9. Nguyên tắc xét khen thưởng theo chuyên đề:

a) Trong một năm, tập thể, cá nhân tham gia nhiều phong trào thi đua theo đợt, theo chuyên đề thì cũng chỉ được xét tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh một lần;

b) Hạn chế khen thưởng cho các cơ quan phối hợp, cho cá nhân lãnh đạo tham gia vào các Ban, các Hội đồng,... mà chủ yếu khen thưởng cho các tập thể và cá nhân trực tiếp thực hiện chuyên đề;

c) Tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng phải có từ 1/2 thời gian tham gia chuyên đề trở lên.

Chương II

TỔ CHỨC THI ĐUA, DANH HIỆU VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Mục 1

HÌNH THỨC, NỘI DUNG VÀ TRÁCH NHIỆM TỔ CHỨC THI ĐUA

Điều 5. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

1. Phong trào thi đua phải có chủ đề, tên gọi dễ nhớ, dễ tuyên truyền, dễ thực hiện; nội dung phải bám sát nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách để đề ra nội dung, phương pháp thi đua cụ thể, thiết thực.

2. Căn cứ vào nội dung, chỉ tiêu của phong trào thi đua để xây dựng các tiêu chí đánh giá phù hợp với thực tế và làm căn cứ bình xét thi đua, khen thưởng trong các kỳ sơ kết, tổng kết.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện chú trọng công tác chỉ đạo điểm, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra. Nâng cao trách nhiệm, vai trò của người đứng đầu trong việc phát hiện, xây dựng, bồi dưỡng, tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến, nhân tố mới, cách làm hay trong phong trào thi đua. Việc phát hiện điển hình tiên tiến là nhiệm vụ trọng tâm trong tổ chức các phong trào thi đua.

4. Chú trọng việc tuyên truyền, vận động các đối tượng tham gia và đảm bảo các điều kiện về tinh thần, vật chất cho tổ chức phong trào thi đua; đồng thời tăng cường kiểm tra theo dõi quá trình tổ chức thực hiện phong trào thi đua.

5. Tổng kết phong trào thi đua phải đánh giá đúng kết quả, tác dụng, những tồn tại, hạn chế và rút ra những bài học kinh nghiệm trong việc tổ chức phong trào thi đua; công khai lựa chọn, bình xét danh hiệu thi đua, khen thưởng các tập thể, cá nhân tiêu biểu, xuất sắc. Tổ chức tuyên truyền phổ biến các sáng kiến, kinh nghiệm để mọi người học tập và nhân rộng các gương điển hình tiên tiến.

Điều 6. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương trong triển khai tổ chức phong trào thi đua

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức phát động, chỉ đạo các phong trào thi đua và công tác khen thưởng trong phạm vi toàn tỉnh.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã chịu trách nhiệm phát động các phong trào thi đua, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát phong trào thi đua và công tác khen thưởng trong phạm vi mình quản lý; chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp các cấp thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ chính trị được giao. Chủ động phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng; tổ chức tuyên truyền, nhân rộng các điển hình tiên tiến.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể chính trị các cấp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình phối hợp và thống nhất hành động giữa các tổ chức thành viên, tham gia với các cơ quan chức năng để tuyên truyền, động viên đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tham gia các phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng. Giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng; kịp thời phản ánh, đề xuất các giải pháp để thực hiện các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 7. Trách nhiệm của cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng

1. Trách nhiệm của Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh (Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh):

a) Căn cứ nội dung phát động phong trào thi đua trong toàn quốc của Thủ tướng Chính phủ, Chỉ thị, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh; nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và giai đoạn của tỉnh; giúp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tham mưu, đề xuất với Tỉnh ủy, UBND tỉnh về chủ trương, nội dung, chương trình, kế hoạch, biện pháp thi đua nhằm hoàn thành tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra.

b) Tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh tổ chức phát động phong trào thi đua trong phạm vi toàn tỉnh. Tham mưu tổ chức sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua; thẩm định thành tích, trực tiếp trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng hoặc tham mưu UBND tỉnh xét trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng theo quy định.

c) Giúp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các đoàn thể tỉnh, các cơ quan thông tin đại chúng phát hiện, tuyên truyền và nhân rộng các điển hình tiên tiến; hướng dẫn, tổ chức các phong trào thi đua, hoạt động Cụm, Khối thi đua và kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện đăng ký thi đua của các cấp, các ngành, các đơn vị, cá nhân trong tỉnh.

d) Thực hiện công tác kiểm tra và giải quyết các khiếu nại, tố cáo về lĩnh vực thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm Bộ phận làm công tác thi đua, khen thưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương:

Tham mưu cho lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức phát động phong trào thi đua trong phạm vi cơ quan, đơn vị, địa phương và triển khai các phong trào thi đua do cấp trên phát động; tham mưu sơ kết, tổng kết phong trào thi đua; phát hiện, nhân rộng điển hình tiên tiến; đề xuất khen thưởng và các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thi đua, khen thưởng.

Điều 8. Tổ chức khối, cụm thi đua

Căn cứ Hướng dẫn của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và tình hình, đặc điểm cụ thể của tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức khối, cụm thi đua và xây dựng qui định hoạt động và bình xét thi đua để tổ chức thi đua và tặng thưởng Cờ thi đua, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong khối, cụm thi đua hàng năm theo quy định.

Mục 2

DANH HIỆU THI ĐUA VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 9. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

Đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”:

1. Đối với sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh gồm:

- a) Các phòng, ban và tương đương thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh.
- b) Các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trực thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh.

2. Đối với cấp huyện gồm:

- a) Các phòng, ban, chuyên môn và tương đương, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND cấp huyện.
- b) Các Ban Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể cấp huyện.
- c) UBND xã, phường, thị trấn.

3. Đối với doanh nghiệp gồm: các phòng, ban, xí nghiệp, nông trường, phân xưởng sản xuất và tương đương.

Điều 10. Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. “Cờ thi đua của UBND tỉnh” được xét tặng hàng năm cho tập thể đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 26 Luật Thi đua, Khen thưởng và một số quy định cụ thể sau:

a) Việc công nhận là tập thể tiêu biểu xuất sắc nhất đề tặng “Cờ thi đua của UBND tỉnh” phải được thông qua bình xét, đánh giá, so sánh theo các cụm hoặc khối thi đua do UBND tỉnh tổ chức hoặc UBND tỉnh ủy quyền tổ chức.

b) Việc chia cụm, khối thi đua và cơ cấu số lượng Cờ thi đua thực hiện theo Quy định về tổ chức chia cụm, khối thi đua của UBND tỉnh.

c) Trước ngày 28/2 hàng năm, các đơn vị, địa phương đăng ký danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” với Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh).

2. “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” được xét tặng cho các tập thể tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua theo chuyên đề có phạm vi rộng trong toàn tỉnh (có văn bản phát động của UBND tỉnh) được đánh giá khi sơ kết, tổng kết (số lượng tặng cờ thi đua do Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định).

3. “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” được xét tặng cho các tập thể tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua nhân kỷ niệm ngày tái lập tỉnh năm tròn và năm lẻ 5 (có văn bản phát động phong trào thi đua của UBND tỉnh) và tập thể tiêu biểu xuất sắc nhất trong phong trào thi đua nhân kỷ niệm ngày tái lập (thành lập) các huyện, thị xã năm tròn và năm lẻ 5 (có văn bản phát động phong trào thi đua của UBND các huyện, thị xã).

Chương III

ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 11. Giấy khen

1. Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đề tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng.

2. Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đề tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ 20 triệu đồng đến dưới 50 triệu đồng.

Điều 12. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Khen thưởng đột xuất

Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét khen thưởng cho tập thể, cá nhân lập được thành tích xuất sắc đột xuất trong lao động, sản xuất, chiến đấu,

phục vụ chiến đấu; dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhân dân hoặc của Nhà nước.

2. Khen thưởng theo đợt (hoặc theo chuyên đề)

a) Đối với những chuyên đề có phạm vi rộng trong toàn tỉnh (có văn bản phát động phong trào thi đua của UBND tỉnh), khi tiến hành sơ kết, tổng kết chuyên đề thì Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì lựa chọn những tập thể, cá nhân tiêu biểu xuất sắc đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen; số lượng khen thưởng như sau:

- Khen thưởng sơ kết: không vượt quá 10 tập thể, 20 cá nhân;
- Khen thưởng tổng kết: không vượt quá 15 tập thể, 30 cá nhân.

Trường hợp đặc biệt, số lượng đề nghị khen thưởng lớn hơn phải có chủ trương của Chủ tịch UBND tỉnh trước khi trình khen.

b) Đối với những chuyên đề do cơ quan, đơn vị, địa phương phát động phong trào thi đua từ 03 năm trở lên (có gửi kế hoạch phát động phong trào thi đua về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh) thì khi tiến hành tổng kết chuyên đề, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị lựa chọn những tập thể, cá nhân tiêu biểu xuất sắc đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen; số lượng đề nghị khen thưởng không vượt quá 05 tập thể, 10 cá nhân.

c) Đối với những chuyên đề không có văn bản phát động phong trào thi đua của UBND tỉnh, khi tiến hành sơ kết, tổng kết chuyên đề (theo kế hoạch của Tỉnh ủy hoặc UBND tỉnh) thì Thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì lựa chọn những tập thể, cá nhân tiêu biểu xuất sắc đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen, số lượng khen thưởng như sau:

- Thời gian thực hiện chuyên đề dưới 05 năm: không vượt quá 03 tập thể và 06 cá nhân;
- Thời gian thực hiện chuyên đề từ 05 đến dưới 10 năm: không vượt quá 05 tập thể và 10 cá nhân;
- Thời gian thực hiện chuyên đề từ 10 năm trở lên: không vượt quá 07 tập thể và 15 cá nhân.

Đối với những chuyên đề có phạm vi rộng, tác động đến người dân trong toàn tỉnh thì số lượng đề nghị khen thưởng có thể cao hơn nhưng cũng không gấp đôi số lượng đã quy định tại Khoản này. Trong trường hợp này, cơ quan, đơn vị chủ trì phải có văn bản đề nghị Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh cho ý kiến thống nhất trước khi tham mưu Tỉnh ủy, UBND tỉnh ban hành kế hoạch sơ kết, tổng kết chuyên đề.

d) Đối với việc tổng kết luật, pháp lệnh, nghị quyết, nghị định, chỉ thị, quyết định (theo kế hoạch của Tỉnh ủy hoặc UBND tỉnh); đại hội nhiệm kỳ của các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; kỷ niệm ngày tái lập (thành lập), ngày giải phóng các huyện, thị xã năm tròn và năm lẻ 5 (có văn bản phát động phong trào thi đua của UBND các huyện, thị xã) thì số lượng đề nghị “Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh” không vượt quá 05 tập thể và 10 cá nhân.

đ) Đối với kỷ niệm ngày tái lập, ngày giải phóng tỉnh, các ngày lễ lớn của tỉnh, của đất nước năm tròn và năm lẻ 5 (theo kế hoạch của Ban Chỉ đạo các ngày lễ lớn tỉnh), Đại hội Đảng bộ tỉnh, Đại hội Thi đua yêu nước tỉnh, Hội nghị tổng kết bầu cử Đại biểu Quốc hội và Đại biểu HĐND các cấp, Hội nghị tổng kết hoạt động của HĐND và UBND cấp tỉnh hoặc tổ chức các sự kiện về kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh (theo kế hoạch của Tỉnh ủy hoặc UBND tỉnh) thì số lượng đề nghị “Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh” do Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

e) Khen thưởng gia đình:

Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh xét tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên.

g) “Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh” tặng thưởng cho các tập thể, cá nhân trong các trường hợp sau:

- Đạt giải (hoặc huy chương) trong các kỳ thi, các giải thi đấu quốc tế;

- Đạt giải ba trở lên (hoặc huy chương đồng trở lên) trong các kỳ thi, hội thi, hội diễn cấp quốc gia (hoặc khu vực, vùng, miền do Trung ương tổ chức) và huấn luyện viên, đạo diễn, biên đạo múa có vận động viên, diễn viên đạt các giải này;

- Đạt giải nhất trong các kỳ thi, hội thi, hội diễn cấp tỉnh (theo kế hoạch của UBND tỉnh);

- Học sinh đỗ thủ khoa kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia, kỳ tuyển sinh đại học; học sinh đạt điểm cao kỳ tuyển sinh đại học (27 điểm trở lên tính cho 3 môn xét tuyển đại học, không tính nhân hệ số);

- Giáo viên có học sinh đạt giải ba trở lên (hoặc huy chương đồng trở lên) trong các kỳ thi quốc tế, quốc gia (không áp dụng trong trường hợp thi học sinh giỏi trên mạng INTERNET và toán máy tính cầm tay).

- Cá nhân, tổ chức trong tỉnh, ngoài tỉnh và nước ngoài có công lao đóng góp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội của tỉnh;

- Tập thể, cá nhân được UBND tỉnh công nhận là mô hình tiêu biểu, điển hình tiên tiến cấp tỉnh hàng năm hoặc giai đoạn;

- Tám gương “người tốt, việc tốt” tiêu biểu xuất sắc, có sức lan tỏa trong phạm vi toàn tỉnh.

- Các trường hợp khác do Thường trực Hội đồng Thi đua – Khen thưởng tỉnh tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

h) Khen thưởng cho: Cá nhân hiến máu tình nguyện nhiều lần; tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong vận động hiến máu tình nguyện; nông dân có thành tích trong sản xuất kinh doanh giỏi cấp tỉnh; công nhân tiêu biểu trong phong trào lao động giỏi, lao động sáng tạo; người dân tộc thiểu số tiêu biểu; tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác giảm nghèo bền vững; tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới; tổ chức, cá nhân thực hiện tốt nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước; tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác thu thuế.

Giao Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh căn cứ các quy định hoặc hướng dẫn của Trung ương và tình hình thực tế của địa phương để hướng dẫn đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng đối với các trường hợp này; số lượng khen thưởng cụ thể do Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Chương IV

NHỮNG TRƯỜNG HỢP KHÔNG XÉT DANH HIỆU THI ĐUA, KHEN THƯỞNG VÀ TỶ LỆ, CƠ CẤU XÉT DANH HIỆU THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 13. Trường hợp không xét danh hiệu thi đua

1. Đối với tập thể

a) Không đăng ký thi đua;

b) Cơ quan, đơn vị mới thành lập, thời gian hoạt động chưa đủ một năm (dưới 12 tháng);

c) Những tập thể có vụ việc sai phạm bị báo chí phản ánh và đang trong quá trình thanh tra, kiểm tra;

d) Đảng bộ, chi bộ, tổ chức đoàn thể xếp loại yếu kém;

đ) Để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, đơn vị đến mức phải xử lý hình sự;

e) Có lãnh đạo chủ chốt bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên thì không xét khen thưởng cho tập thể đơn vị (đối với tập thể nhỏ trong đơn vị vẫn được xét khen thưởng);

g) Các trường hợp đang bị điều tra, truy tố, xét xử.

2. Đối với cá nhân

a) Không đăng ký thi đua; mới tuyển dụng dưới 10 tháng; nghỉ việc trên 40 ngày làm việc (cộng dồn) trở lên trong một năm (trừ chế độ nghỉ phép năm; nghỉ thai sản và những người có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế; các trường hợp nghỉ việc để điều trị bệnh theo chỉ định của cơ sở y tế);

b) Có dấu hiệu vi phạm đang trong quá trình xác minh hoặc xem xét xử lý kỷ luật;

c) Bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

Điều 14. Trường hợp không xét khen thưởng

1. Đối với tập thể

a) Những tập thể có vụ việc sai phạm bị báo chí phản ánh và đang trong quá trình thanh tra, kiểm tra;

b) Đảng bộ, chi bộ, tổ chức đoàn thể xếp loại yếu kém;

c) Để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, đơn vị đến mức phải xử lý hình sự;

d) Có lãnh đạo chủ chốt bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên thì không xét khen thưởng cho tập thể đơn vị (đối với tập thể nhỏ trong đơn vị vẫn được xét khen thưởng).

2. Đối với cá nhân

Có dấu hiệu vi phạm đang trong quá trình xác minh hoặc xem xét xử lý kỷ luật.

Điều 15. Tỷ lệ, cơ cấu xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được (khen thưởng tổng kết công tác năm)

1. Tỷ lệ xét danh hiệu thi đua

a) Danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”: Không quá 70% tổng số tập thể trong đơn vị;

b) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”: Không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

c) Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”: Không quá 30% tổng số tập thể trong đơn vị.

2. Tỷ lệ xét khen thưởng

a) Giấy khen:

- Đối với cá nhân: Không quá 30% trong tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc đơn vị;

- Đối với tập thể: Không quá 30% trong tổng số tập thể thuộc cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh:

- Đối với cá nhân: Không quá 15% trong tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc đơn vị;

- Đối với tập thể: Không quá 30% trong tổng số tập thể thuộc cơ quan, đơn vị, địa phương.

3. Khi tính tỷ lệ xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này nếu có số lẻ từ 0,5 trở lên thì được làm tròn thành 01 (một).

4. Cơ cấu xét khen thưởng

Nhằm thúc đẩy phong trào thi đua sâu rộng trong cán bộ, công chức, viên chức và người lao động, việc xét khen thưởng tổng kết công tác năm phải đảm bảo cơ cấu hợp lý giữa các đối tượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Mọi cán bộ, công chức, viên chức và người lao động có thành tích trong công tác đều được xem xét khen thưởng:

a) Căn cứ vào mức độ thành tích đạt được, theo chức trách nhiệm vụ được giao của từng đối tượng để xét khen thưởng;

b) Phân định thành các nhóm đối tượng xét khen thưởng, trên cơ sở so sánh thành tích giữa các cá nhân có cùng chức trách nhiệm vụ được giao, phân định thành các nhóm để xét riêng như sau:

- Cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý chủ chốt của đơn vị, địa phương, doanh nghiệp (Giám đốc, Phó Giám đốc và tương đương);

- Cán bộ, công chức, viên chức giữ chức vụ Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương;

- Cán bộ, công chức, viên chức là chuyên viên, cán sự và tương đương;

- Lái xe, nhân viên phục vụ...

Trong đó, đối tượng cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ chủ chốt ở các sở, ban, ngành, đoàn thể, huyện, thị xã, các doanh nghiệp (Giám đốc, Phó Giám đốc, Trưởng phòng và tương đương), tỷ lệ đề nghị khen thưởng không quá 30% trong tổng số cá nhân của đơn vị được đề nghị UBND tỉnh khen thưởng.

Chương V
THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, TRAO TẶNG,
THỦ TỤC, HỒ SƠ XÉT ĐỀ NGHỊ
DANH HIỆU THI ĐUA VÀ KHEN THƯỞNG

Điều 16. Thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

Đối với cán bộ, công chức, công nhân, nông dân, người lao động thuộc quản lý của cấp xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

Điều 17. Thẩm quyền xét duyệt, cho ý kiến hồ sơ khen thưởng

1. Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh:

a) Thẩm định hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng: “Cờ thi đua của UBND tỉnh”, danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Chiến sĩ Thi đua cấp tỉnh” và Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh.

b) Tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh hiệp y các trường hợp do bộ, ngành Trung ương đề nghị UBND tỉnh hiệp y để trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng.

c) Hiệp y các trường hợp sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh đề nghị bộ, ngành, đoàn thể Trung ương khen thưởng.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, các doanh nghiệp chịu trách nhiệm thẩm định, xét duyệt hồ sơ thuộc thẩm quyền quyết định khen thưởng của thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể, UBND các huyện, thị xã, Giám đốc các doanh nghiệp và trình cấp trên khen thưởng.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh cho ý kiến hiệp y về việc đề nghị khen cấp Nhà nước (từ Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ trở lên) đối với tập thể là đơn vị trực thuộc huyện, thị xã và cá nhân là trưởng các phòng, ban, các tổ chức đoàn thể ở cấp huyện nhưng thuộc sự quản lý về chuyên môn, nghiệp vụ của các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh.

Điều 18. Trao tặng và đón nhận các hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua

1. Việc công bố, trao tặng và đón nhận các hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua thực hiện theo quy định tại Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về tổ chức ngày kỷ niệm, nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; Chi thị số 45-

CT/TW ngày 22/7/2010 của Bộ Chính trị về đổi mới, nâng cao hiệu quả tổ chức các ngày kỷ niệm, nghi thức trao tặng, đón nhận danh hiệu vinh dự Nhà nước và các hình thức khen thưởng cấp nhà nước; đảm bảo yêu cầu trang trọng, thiết thực, không phô trương, hình thức, tạo sự phấn khởi, khơi dậy lòng tự hào, tạo khí thế mới để tiếp tục thi đua lập thành tích cao hơn.

2. Việc trao tặng được tổ chức vào dịp ngày lễ lớn của tỉnh, của đất nước, ngày truyền thống của ngành, ngày kỷ niệm địa phương, đơn vị, ngày sơ kết, tổng kết phong trào thi đua, tổng kết ngành của cơ quan, đơn vị, địa phương,... Các trường hợp khen thưởng thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất Bằng khen Chủ tịch UBND tỉnh, khen thưởng cấp Nhà nước, giao Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh phối hợp với đơn vị đề nghị khen thưởng tổ chức trao tặng.

Điều 19. Tuyến trình khen thưởng

Tuyến trình khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ và một số quy định cụ thể sau:

1. Đối với các đơn vị ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh do bộ, ngành Trung ương quản lý về biên chế, tổ chức thì do cơ quan cấp trên của các đơn vị đó xét công nhận danh hiệu thi đua và khen thưởng tổng kết công tác năm. Chủ tịch UBND tỉnh không xét công nhận các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng về thành tích công tác năm cho tập thể, cá nhân thuộc các đơn vị nêu trên, chỉ khen thưởng thành tích tham gia các phong trào thi đua do tỉnh phát động và khen thưởng cho một số tập thể, cá nhân thật sự tiêu biểu, xuất sắc có nhiều đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của tỉnh.

2. Xét khen thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc lực lượng dân quân tự vệ thực hiện theo quy định của Bộ Quốc phòng.

3. Xét khen thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc lực lượng Công an xã, phường, thị trấn, bảo vệ dân phố thực hiện theo quy định của Bộ Công an.

4. Đối với doanh nghiệp:

a) Các doanh nghiệp, Công ty cổ phần, Công ty TNHH (là thành viên Khối thi đua thuộc tỉnh): Do Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc Doanh nghiệp đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng hoặc đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh xét trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng;

b) Các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác (không thuộc khối thi đua của tỉnh) có trụ sở đóng trên địa bàn huyện, thị xã nào thì huyện, thị xã đó trình khen thưởng; các doanh nghiệp thuộc khu công nghiệp thì do Ban Quản lý các Khu kinh tế tỉnh trình khen.

c) Đối với người đại diện không chuyên trách tại doanh nghiệp mà nhà nước nắm giữ thấp hơn hoặc bằng 50% vốn điều lệ thì đơn vị quản lý người đại diện không chuyên trách khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

d) Đối với người đại diện chuyên trách tại doanh nghiệp mà nhà nước nắm giữ thấp hơn hoặc bằng 50% vốn điều lệ thì doanh nghiệp khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

5. Các tập thể, cá nhân thuộc các Bộ, ngành Trung ương, các Trường Đại học, Viện nghiên cứu, Tập đoàn kinh tế nếu có nhiều đóng góp cho sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương thì Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã đó quyết định khen thưởng hoặc có văn bản nhận xét đề nghị cơ quan quản lý trực tiếp của tổ chức, cá nhân đó khen thưởng. Trường hợp có thành tích xuất sắc hoặc đóng góp lớn cho các sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương (kể cả là người nước ngoài) thì đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen.

6. Đối với những đơn vị thuộc đối tượng có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, nộp BHXH cho người lao động, thì khi trình các hình thức khen thưởng của Ủy ban nhân dân tỉnh trở lên phải có xác nhận việc hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, nộp Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế cho người lao động và xác nhận không vi phạm về bảo vệ môi trường.

Điều 20. Thủ tục, hồ sơ đề nghị danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

Thủ tục, hồ sơ đề nghị tặng thưởng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện theo Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Nội vụ trên địa bàn tỉnh.

Điều 21. Quy định thời gian gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh:

a) Đối với khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được (khen thưởng tổng kết công tác năm): Hồ sơ gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (qua Trung tâm hành chính công tỉnh) trước ngày 28 tháng 02 hàng năm. Riêng ngành Giáo dục và Đào tạo gửi trước ngày 30 tháng 7 hàng năm.

b) Đối với khen thưởng tổng kết cụm, khối thi đua: Hồ sơ gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (qua Trung tâm hành chính công tỉnh) trước ngày 28 tháng 02 hàng năm. Riêng ngành Giáo dục và Đào tạo gửi trước ngày 30 tháng 7 hàng năm.

2. Đối với khen thưởng theo đợt, theo chuyên đề: Hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh (qua Trung tâm hành chính công tỉnh) trước ngày dự kiến trao thưởng ít nhất 15 ngày làm việc. Các đơn vị gửi hồ sơ trễ không kịp trao thưởng, thủ trưởng đơn vị phải chịu hoàn toàn trách nhiệm.

3. Đối với các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước: “Cờ thi đua của Chính phủ”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, Huân chương các loại, “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”, hồ sơ gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh theo các đợt sau đây:

a) Đợt 1: Trình hồ sơ đề nghị tặng thưởng “Cờ thi đua của Chính phủ”: Hồ sơ gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh trước ngày 05 tháng 3 hàng năm. Riêng ngành Giáo dục và Đào tạo gửi trước ngày 31 tháng 8 hàng năm.

b) Đợt 2: Trình hồ sơ đề nghị khen thưởng Huân chương các loại, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ: Hồ sơ gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh trước ngày 31 tháng 3 hàng năm.

c) Đợt 3: Trình hồ sơ đề nghị tặng thưởng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”: Hồ sơ gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh trước ngày 15 tháng 4 hàng năm.

d) Đợt 4: Trình hồ sơ đề nghị khen thưởng Huân chương các loại, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ đối với ngành Giáo dục và Đào tạo: Hồ sơ gửi về Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh trước ngày 31 tháng 8 hàng năm.

Điều 22. Quản lý, lưu trữ hồ sơ khen thưởng

1. Các cơ quan, tổ chức đơn vị, địa phương có trách nhiệm quản lý, lưu trữ hồ sơ khen thưởng của đơn vị, địa phương mình và cấp cơ sở để thuận tiện cho việc tra cứu hồ sơ, giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo công dân hoặc xác nhận khen thưởng khi đối tượng yêu cầu.

2. Chế độ bảo quản hồ sơ thực hiện theo quy định của Luật Lưu trữ.

Chương VI

HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG CÁC CẤP VÀ HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN CÁC CẤP

Điều 23. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh là cơ quan tham mưu cho Tỉnh ủy, UBND tỉnh về công tác thi đua, khen thưởng của tỉnh.

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập.

2. Thành phần Hội đồng, gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch UBND tỉnh;

b) Hội đồng có từ 03 đến 04 Phó Chủ tịch. Phó Giám đốc Sở Nội vụ kiêm Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh làm Phó Chủ tịch thường trực. Các Phó Chủ tịch và Ủy viên khác do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 63 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017.

4. Ban Thi đua - Khen thưởng trực thuộc Sở Nội vụ là Cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

Điều 24. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; huyện, thị xã; xã, phường, thị trấn (gọi chung là cơ quan, đơn vị, địa phương)

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã quyết định thành lập và ban hành quy chế hoạt động.

2. Thành phần Hội đồng, gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các cấp.

b) Căn cứ tình hình thực tế, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các cấp quyết định số lượng thành viên Hội đồng. Trong đó, Phó Chủ tịch Hội đồng là đại diện lãnh đạo phòng, ban làm công tác thi đua, khen thưởng, đại diện lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc, tổ chức Công đoàn; các thành viên khác gồm đại diện tổ chức đảng, đoàn thể; đại diện lãnh đạo các đơn vị trực thuộc và phòng, ban chuyên môn.

3. Hội đồng có các nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Tham mưu cho Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các cấp tổ chức phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền.

b) Theo dõi, phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong phong trào thi đua để tuyên truyền, nhân rộng các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt và đề nghị các cấp khen thưởng theo quy định.

c) Tham mưu cho Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các cấp quyết định tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

Điều 25. Hội đồng Sáng kiến các cấp

1. Hội đồng sáng kiến các cấp do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền xét tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua các cấp quyết định thành lập. Thành phần Hội đồng Sáng kiến các cấp gồm những thành viên có trình độ chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học và các thành viên khác.

2. Hội đồng sáng kiến các cấp có nhiệm vụ công nhận sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp công tác, giải pháp tác nghiệp, giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật hoặc đề tài nghiên cứu khoa học hoặc sự mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu đã được áp dụng vào thực tiễn mang lại hiệu quả và phạm vi ảnh hưởng làm căn cứ đề nghị xét tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua các cấp và đề nghị các hình thức khen thưởng theo quy định.

Trong năm Hội đồng sáng kiến các cấp ít nhất có 01 lần họp xét công nhận sáng kiến, để đáp ứng kịp thời cho việc xét danh hiệu thi đua và đề nghị các hình thức khen thưởng theo quy định.

3. Hồ sơ thủ tục xét công nhận sáng kiến thực hiện theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ; Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01/8/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định về Điều lệ sáng kiến và thực hiện theo Quy định của UBND tỉnh về quản lý hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh.

Chương VII

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 26. Quản lý quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh do Ban Thi đua - Khen thưởng trực thuộc Sở Nội vụ quản lý và sử dụng; nguồn và mức trích quỹ theo tỷ lệ quy định trên cơ sở dự toán; việc quyết toán căn cứ số chi thực tế theo đúng chế độ, chính sách quy định.

2. Quỹ thi đua, khen thưởng của các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, doanh nghiệp do thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý và sử dụng; nguồn và mức trích theo tỷ lệ quy định trên cơ sở dự toán; việc quyết toán căn cứ số chi thực tế theo đúng chế độ, chính sách quy định.

3. Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp huyện do Phòng Nội vụ quản lý và sử dụng; nguồn và mức trích quỹ theo tỷ lệ quy định trên cơ sở dự toán; việc quyết toán căn cứ số chi thực tế theo đúng chế độ, chính sách quy định.

4. Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp xã do Chủ tịch UBND cấp xã quản lý và sử dụng; nguồn và mức trích quỹ theo tỷ lệ quy định trên cơ sở dự toán; việc quyết toán căn cứ số chi thực tế theo đúng chế độ, chính sách quy định.

Điều 27. Sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng được dùng để chi trong việc tổ chức thực hiện phong trào thi đua và chi tiền thưởng đối với danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng mà thành tích đạt được trong thời kỳ đổi mới (trừ trường hợp danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng).

2. Việc sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 66 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ và một số quy định cụ thể sau:

a) Tiền thưởng kèm theo các quyết định khen thưởng của Chủ tịch UBND tỉnh và của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ do UBND tỉnh trình khen thưởng được chi từ quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh. Đối với doanh nghiệp, trích từ quỹ thi đua, khen thưởng của đơn vị để chi thưởng. Riêng khen thưởng theo chuyên đề (đối với những chuyên đề do tỉnh phát động), khen thưởng đột xuất, khen thưởng tổng kết cụm, khối thi đua tỉnh thì chi từ quỹ thi đua, khen thưởng của tỉnh.

b) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc cấp nào ra quyết định khen thưởng thì cơ quan, đơn vị đó có trách nhiệm chi tiền thưởng từ quỹ thi đua, khen thưởng do cơ quan, đơn vị mình quản lý.

c) Khen thưởng các chương trình mục tiêu, hội thi, hội diễn (theo Kế hoạch của UBND tỉnh)... do đơn vị chủ trì, tham mưu tổ chức dự toán nguồn kinh phí hoạt động riêng, khi đề nghị khen thưởng sử dụng nguồn kinh phí đó để chi thưởng theo quy định.

d) Đối với tập thể, cá nhân ở ngoài tỉnh, người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài và tập thể người nước ngoài được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh thì kèm theo mức tiền thưởng theo quy định hoặc tặng phẩm lưu niệm có giá trị bằng mức tiền thưởng tương ứng theo quy định của pháp luật, trường hợp đặc biệt, tiền thưởng, tặng phẩm lưu niệm có giá trị cao hơn thì do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

đ) Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh tặng cho các nhà từ thiện, tổ chức, cá nhân đóng góp hỗ trợ cho tỉnh không kèm theo tiền thưởng, trường hợp cần thiết kèm theo tặng phẩm lưu niệm.

e) Các trường hợp khen thưởng đột xuất, gương người tốt, việc tốt,... tùy theo thành tích và phạm vi tác dụng nêu gương và khả năng quỹ thi đua, khen thưởng để khen thưởng động viên, khuyến khích cho từng trường hợp, nhưng không quá ba lần mức thưởng theo quy định. Trường hợp đặc biệt do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

Chương VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Đối với các nội dung khác có liên quan mà không có trong Quy định này thì áp dụng văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương quy định về công tác thi đua, khen thưởng để thực hiện.

Điều 29. Sở Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh.

Điều 30. Sở Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra các ngành, các cấp thực hiện Quy định này và theo dõi tổng hợp những vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện để trình UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Trâm

